

Bản án số: 43A/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

2. Ông Đinh Thiện Tụy

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Quang T, sinh năm 1957; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 23, phố H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương Anh, sinh năm 1960; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 23, phố H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú hiện nay: Số 9C, ngõ 683 phố M, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 03 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Quang T trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Phương A vào ngày 17/10/1983 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND quận H, Thành phố Hà Nội; đây là lần kết hôn thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 23, phố H, phường H, quận H, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận được

khoảng 10 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn mỗi năm một tăng lên. Cuộc sống cứ kéo dài và triền miên trong những xung đột và không thể giải quyết được. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách khác biệt, không có sự chia sẻ, thông cảm với nhau trong cuộc sống. Ngoài ra, mâu thuẫn trong cách giáo dục con cái, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, to tiếng nhiều năm nay. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ năm 2016, thời điểm đó hai vợ chồng đã có những cuộc trao đổi để đi đến thống nhất ly hôn và chia tài sản chung. Cụ thể cả 02 vợ chồng đã ra Văn phòng công chứng thỏa thuận chia tài sản trước khi ly hôn, ông được sở hữu căn nhà tại ngõ 683 phố M còn bà Phương A được sở hữu ngôi nhà tại số 809 đường H. Nhưng sau khi thỏa thuận về tài sản xong thì bà Phương A thay đổi và không đồng ý ly hôn cũng như gây khó khăn cho ông. Lúc này mâu thuẫn lại trở nên trầm trọng, vì thế từ năm 2018 bà Phương A chuyển về sinh sống tại số nhà 9C, ngõ 683 phố M, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội để ở một mình, còn ông vẫn sinh sống cùng mẹ già tại số 23 phố H, quận H, Thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình và bản thân ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xin ly hôn bà Phương A vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông xác nhận ông và bà Phương A có 01 con chung là Đỗ Trường G, sinh ngày 04/08/1984. Ly hôn, hiện cháu G đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông xác nhận ông và bà Phương A đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Phương A. Nhưng bà Phương A đều không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gì đối với vụ án. Bản thân bà Phương A đã trực tiếp nhận văn bản và có ghi ý kiến đề nghị Tòa án lùi lại thời gian làm việc nhưng sau đó bà Phương A vẫn không đến Tòa án để làm việc. Chính vì vậy không ghi được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn bà Nguyễn Thị Phương A vì mâu thuẫn quá lâu, cuộc sống không có hạnh phúc và càng tiếp tục chung sống với nhau thì càng mệt mỏi. Bản thân hai vợ chồng cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người một cuộc sống riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đã tuân thủ đúng theo trình tự pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn chấp

hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hoà giải được, tại phiên tòa cũng vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Quang T đối với bà Nguyễn Thị Phương A. Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xét; Về tài sản chung, nhà đất chung: Ông T xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về công nợ chung: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Đỗ Quang T có đơn xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Phương A, cư trú tại: số 9C, ngõ 683 phố M, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Phương A, nhưng bà Phương A đều không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì đối với vụ án. Bản thân bà Phương A đã trực tiếp nhận văn bản và có đề nghị Tòa án lùi lại thời gian làm việc nhưng sau đó bà Phương A vẫn không đến để làm việc. Như vậy bà Phương Anh đã từ bỏ quyền của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/10/2019 bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo mở vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 15/11/2019. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 15/11/2019 bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Quang T và bà Nguyễn Thị Phương A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND quận H, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số 1308 ngày 17/10/1983. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Theo tài liệu được địa phương cung cấp thì mặc dù không biết rõ về mâu thuẫn của vợ chồng ông T, bà Phương A căng thẳng đến mức nào, bởi vì ông bà có cuộc sống kín đáo, ít tiếp xúc với mọi người xung quanh. Từ năm 2018 cho đến nay mỗi người sinh sống một nơi không quan tâm gì đến nhau. Bà Phương A sinh sống tại số 9c ngõ 683 phố M, quận H, thành phố Hà Nội, còn ông T sinh sống cùng mẹ già tại số 23 phố H, quận H, Thành phố Hà Nội. Quan điểm của địa phương đều đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết. Về phía gia đình ông T cho rằng cuộc sống vợ chồng ông T và bà Phương A không hạnh phúc, mâu thuẫn thì rất gay gắt và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn nhằm giải phóng cho nhau.

[4] Xét mâu thuẫn của ông T và bà Phương A có thể cho thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã từ lâu, đặc biệt mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2016 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn xảy ra dẫn đến ngày 03 tháng 11 năm 2016 ông bà đã đến Văn phòng công chứng để làm thủ tục phân chia tài sản chung vợ chồng. Trên thực tế từ thời gian đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà Phương A đến Tòa án để trình bày nguyện vọng cũng như hòa giải nhưng bà cố tình không đến, không tham gia các buổi hòa giải, điều đó thể hiện bà Phương A không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy có thể cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được việc ông T xin ly hôn bà Phương A là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của ông Đỗ Quang T đối với bà Nguyễn Thị Phương A.

[5]. Về con chung: Ông T xác định ông, bà có 01 con chung là Đỗ Trường G, sinh ngày 04/08/1984. Ly hôn, hiện con chung đã trưởng thành đủ 18 tuổi, đã xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Ông T xác nhận ông bà đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7]. Về công nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Ông Đỗ Quang T là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông T.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Quang T đối với bà Nguyễn Thị Phương A.

Ông Đỗ Quang T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương A.

[2]. Về con chung: Xác định ông T và bà Phương A có 01 con chung là Đỗ Trường G, sinh ngày 04/08/1984. Hiện con chung Đỗ Trường G đã thành niên và có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Ông T xác nhận ông bà đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về công nợ chung: Ông T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Đỗ Quang T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho ông Đỗ Quang T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/ 0002343 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, ông Đỗ Quang T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Phương A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hai Bà Trưng
- VKSND T.P Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng
- UBND quận Hoàn Kiếm
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tiến

